

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

Bản án số: 83/2021/HS-ST
Ngày 12 - 7 - 2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Sương ;

2/ Ông Trương D Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quang Đô – Thư ký TAND thành phố K, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thanh G, sinh năm 1989 tại tỉnh B; trú tại: Hẻm 104 Tr, phường Th, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị M; có chồng anh Trương Đức Ch và 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018).

Tiền án: 03 tiền án cùng về tội “*Trộm cắp tài sản*”, cụ thể:

1) Tại bản án số 73/2009/HSST ngày 07/4/2009 bị TAND thành phố P, tỉnh G xử phạt 01 năm 06 tháng tù.

2) Tại bản án số 231/2013/HSST ngày 16/9/2013, TAND thành phố H, tỉnh Th xử phạt 09 tháng tù.

Đã chấp Hành xong hình phạt của 02 bản án trên, chưa được xóa án tích.

3) Tại bản án số 168/2014/HSST ngày 03/7/2014, TAND thành phố H, tỉnh Th xử phạt 02 năm tù. Bị cáo đang được hoãn chấp Hành hình phạt tù của bản án này với lý do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Đối với lần trộm cắp số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 22/10/2007 và đã bị kết án tại Bản án số 63/2009/HSST ngày 23/4/2009 của TAND thành phố H với hình phạt 01 năm 03 tháng tù. Đến thời điểm trộm cắp ngày 22/10/2007, bị cáo mới 17 tuổi, 11 tháng, 22 ngày và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên không bị coi là có án tích, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06 tháng 5 năm 2002, bị Ủy ban nhân dân tỉnh B đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về Hành vi “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- **Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Trọng D, sinh năm 1982, trú tại: Số 80 Tr, phường Tr, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt.

2. Chị Mai Thị Xuân H, sinh năm 1977, trú tại: Số 148 H, phường D, thành phố K, tỉnh K, có mặt.

- **Người làm chứng:** Bà Mai Thị Th sinh năm 1966, trú tại: Số 73 A D, phường D, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 24 và ngày 25/12/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thanh G đã hai lần thực hiện Hành vi lén lút chiếm tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ 30 phút trưa ngày 24/12/2020, bị cáo G đi bộ đến chợ thuộc tổ 2, phường Quyết Thắng, thành phố Kmục đích trộm cắp tài sản. Khi vào trong chợ, G đi đến quầy bán thịt heo của anh Nguyễn Trọng D thấy không có người trông coi, trong tủ có để một chiếc túi xách màu cà phê sữa, G lén lút lấy trộm. Trong túi xách có 28.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng, 01 điện thoại di động OPPO Reno 4 màu xanh đen, 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu OMEGA màu đen và 01 cuốn sổ ghi chép bán thịt heo của anh D. G đã lấy số tiền trên cùng với điện thoại và đồng hồ mang về cất giấu, tiêu xài cá nhân. Riêng chiếc túi xách và cuốn sổ ghi chép G vứt bỏ vào thùng rác trên đường Lê Hồng Phong, thành phố K. Tại bản kết luận định giá tài sản, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4, màu xanh đen giá trị 6.489.336 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu OMEGA màu đen giá trị 123.240 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 12 giờ trưa ngày 25/12/2020, G đi bộ đến Trung tâm Thương mại thành phố K, tại địa chỉ tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Kđể trộm cắp tài sản, khi đến quầy bán bánh kẹo của chị Mai Thị Xuân H, thấy không có người trông coi, G lén lút lấy trộm chiếc túi xách màu xám hiệu JINGPIN trong ngăn tủ Hng, bên trong túi xách có 6.300.000 đồng tiền Việt Nam đồng, thì bị bà Mai Thị Th ở quầy Hng bên cạnh phát hiện, thì G để lại túi xách trên sạp bán Hng. Bà Thái liền bắt giữ G giao cơ quan Công an. Tại bản kết luận định giá tài sản, kết luận: 01 túi xách màu xám có chữ “JINGPIN” giá trị 375.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của hai lần G chiếm đoạt là 41.287.576 đồng.

Tại Cáo trạng số 80/CT-VKSTPKT ngày 07 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên truy tố và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 BLHS, xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Đề nghị tổng hợp với hình phạt 02 năm tù tại Bản án số 168/2014/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2014 của TAND thành phố Huế. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án, trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2014 đến ngày 05/5/2014. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không đề cập.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận Hành vi phạm tội.

Bị hại không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mà đề nghị xét xử bị cáo theo quy định.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội; bị cáo xin lỗi bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định trong ngày 24 và ngày 25/12/2020 bị cáo G đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để hai lần thực hiện Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất vào khoảng 12 giờ 30 phút trưa ngày 24/12/2020, tại địa điểm quầy bán thịt heo của anh D bên trong chợ thuộc tổ 2, phường Quyết Thắng, thành phố K, bị cáo G đã chiếm đoạt của anh D một chiếc túi xách bên trong có 28.000.000 đồng, 01 điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo tay và 01 cuốn sổ ghi chép bán thịt heo. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 34.612.576 đồng.

Lần thứ hai vào khoảng 12 giờ trưa ngày 25/12/2020, tại quầy bán bánh kẹo của chị H bên trong Trung tâm Thương mại thành phố K, tổ 4 phường Quyết Thắng, thành phố K, bị cáo G đã chiếm đoạt của chị H 01 chiếc túi xách giá trị 375.000 đồng và 6.300.000 đồng bên trong túi xách.

Tổng giá trị tài sản của hai lần G chiếm đoạt là 41.287.576 đồng.

Hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Tuy nhiên, trước khi thực hiện Hành vi trộm cắp tài sản này, bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết “*Tái phạm*” và chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”, là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả 02 lần bị cáo chiếm đoạt tài sản như nêu trên, mà mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành tội trộm cắp tài sản, nên bị cáo phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo thành khẩn khai báo; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; hiện bị cáo đang có thai, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, n khoản 1 Điều 51 BLHS.

[3] Bị cáo có nhân thân xấu, đã 01 lần bị đưa vào trường giáo dưỡng về Hành vi “*Trộm cắp tài sản*”.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Xét tính chất mức độ và hậu quả của Hành vi phạm tội; xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; căn cứ tình hình tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu tài sản trên địa bàn thành phố Kngày càng diễn biến phức tạp có chiều hướng ngày gia tăng; để đảm bảo công tác phòng chống tội phạm và răn đe phòng ngừa chung, HĐXX cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[6] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là anh D và chị H là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh G: 02 (hai) năm, 04 (Bốn) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2014/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Buộc bị cáo phải chấp Hành hình phạt chung của hai bản án là **04** (Bốn) năm, **04** (Bốn) tháng tù. Thời hạn chấp Hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi Hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

21/3/2014 đến ngày 05/5/2014, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2014/ HSST ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Th.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh G phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2021). Những người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND Tp. K;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. K;
- Bộ phận HSNV Công an Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- Bị cáo, bị hại và các đương sự;
- L- u HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài

